

Số: 1437 /KSBT-DVTTYT

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 09 năm 2024

V/v yêu cầu báo giá hoá chất máy sinh hoá,
huyết học nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024
lần 2

Kính gửi: Các công ty, doanh nghiệp có năng lực.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu Hoá chất máy sinh hoá, huyết học nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế kính đề nghị quý công ty có khả năng thực hiện báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế.**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Lê Đức Hy

SĐT: 0914114342

Chức vụ: Viên chức phòng Tổ chức – Hành chính

Email: Idh22huecity4@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế**; địa chỉ: 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h00 ngày 30 tháng 09 năm 2024 đến trước 10h00 ngày 03 tháng 10 năm 2024.

Báo giá được niêm phong kỹ và bên ngoài ghi rõ các nội dung sau:

- **Không mở phong bì trước 10h00 ngày 03/10/2024**

- **“Báo giá Hoá chất huyết học nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 lần 2”**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: (Phụ lục I, II đính kèm) Báo giá phải bao gồm tất cả thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan.

2. Địa điểm cung cấp:

- Tên đơn vị: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế**

- Địa chỉ: **10-12 Nguyễn Văn Cừ, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.**

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kí hợp đồng./.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT, KH-TC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Lê Tâm

PHỤ LỤC I
HOÁ CHẤT HUYẾT HỌC NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2024
(Đính kèm công văn số 1437./KSBT-DVTTYT ngày 30/09/2024)

TT	Tên vật tư hoặc hàng hóa thông thường	ĐVT	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đưa ra	Số lượng
1.	Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học	Can 20 lít	Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học Thành phần: Sodium Chlorride, Boric Acid, Sodium Tetraborate, EDTA-2K Sử dụng được cho máy huyết học Sysmex XP-100 Chất lượng: ISO 13485 HSD \geq 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
2.	Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu	Chai 500ml	Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/L và sodium chloride 0.6g/L Sử dụng được cho máy Sysmex XP-100 Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương Chất lượng: ISO 13485 HSD \geq 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	2
3.	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học	Lọ 50ml	Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học. Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite 5% Sử dụng được cho máy Sysmex XP-100 Chất lượng: ISO 13485 HSD \geq 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
4.	Bộ chuẩn hóa chất công thức máu	Bộ 3 lọ 1,5ml/lọ	Công dụng: Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày Thành phần: chứa tế bào hồng cầu, Bạch	1

TT	Tên vật tư hoặc hàng hóa thông thường	ĐVT	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đưa ra	Số lượng
			cầu, tiêu cầu và chất ổn định Sử dụng được cho máy Sysmex XP-100 Chất lượng: ISO 13485 HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	

Tổng cộng: 04 mục

PHỤ LỤC II
HOÁ CHẤT MÁY SINH HOÁ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2024
(Đính kèm công văn số 1437/KSBT-DVTTYT ngày 30/09/2024)

TT	Tên vật tư hoặc hàng hóa thông thường	ĐVT	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đưa ra	Số lượng
1.	Hóa chất xét nghiệm SGPT	Hộp 4x50ml+4x25ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,3) Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD ≥ 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
2.	Hóa chất xét nghiệm SGOT	Hộp 4x25ml+4x25ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH ≥ 0,9kU/L; MDH ≥ 0,6kU/L; NADH 0,2mmol/L ; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD ≥ 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
3.	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	Hộp 4x51ml+4x51ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hidroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2.200 µmol/L (0,02 – 25,0 mg/dL); Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD ≥ 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
4.	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Hộp 4x53ml+4x27ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ ≥ 1,32 mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase ≥ 0,59 kU/L; G6P-DH ≥ 1,58 kU/L ; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ ly giải 0,6 -45,0 mmol/L(10-800 mg/DL) Bước sóng 340nm. Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD ≥ 2/3 thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1
5.	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Hộp 4x45ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-	1

TT	Tên vật tư hoặc hàng hóa thông thường	ĐVT	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đưa ra	Số lượng
			<p>Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μkat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μkat/L); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,5 -18,0 mmol/L(20 -700 mg/dL); bước sóng 540nm;</p> <p>Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng</p>	
6.	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1</p>	<p>Lọ 1x5ml</p>	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1;</p> <p>Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, GLDH, LDH, Albumin, Triglyceride, Cholesterol, Creatinine, Glucose. Urea, Uric Acid.</p> <p>Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng</p>	<p>1</p>
7.	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2</p>	<p>Lọ 1x5ml</p>	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2;</p> <p>Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, GLDH, LDH, Albumin, Triglyceride, Cholesterol, Creatinine, Glucose. Urea, Uric Acid.</p> <p>Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400</p> <p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 khác Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1</p> <p>HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng</p>	<p>1</p>
8.	<p>Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy</p>	<p>Lọ 1x5ml</p>	<p>Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy;</p> <p>Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, GLDH, LDH, Albumin, Triglyceride, Cholesterol, Creatinine, Glucose. Urea, Uric Acid.</p> <p>Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400</p> <p>Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy khác Chất kiểm chứng</p>	<p>1</p>

TT	Tên vật tư hoặc hàng hóa thông thường	ĐVT	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật đưa ra	Số lượng
			cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 và Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	
9.	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Can 5 lít	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc Sử dụng cho máy Beckman coulter AU400 HSD $\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày bàn giao hàng hóa đến ngày hết hạn sử dụng	1

Tổng cộng: 09 mục